

# MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỚI GIÁO HỘI CÔNG GIÁO RÔMA HIỆN NAY

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG\*

Giáo hội Công giáo Rôma cũng được gọi là Hội thánh Rôma hay Hội thánh Công giáo hoặc giới Công giáo gọi tắt là Hội thánh. Giáo hội Công giáo Rôma còn được hiểu là Giáo hội Latinh. Điều 1, Bộ giáo luật 1983<sup>(1)</sup> ghi: “Các điều của Bộ luật này chỉ chi phối Giáo hội Latinh”. Sở dĩ gọi là Giáo hội Latinh vì các văn bản chính thức của giáo hội là văn bản Latinh.

Giáo hội Công giáo Rôma là toàn bộ tín hữu được đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của Giáo hoàng, người được coi là kế vị Thánh Phêrô. Điều 204, khoản 2 ghi: “Giáo hội này, được thiết lập và tổ chức như một xã hội ở trong thế giới, tồn tại trong Giáo hội Công giáo, được cai quản do người kế vị Thánh Phêrô và do các Giám mục hiệp thông với Người”.

Cơ quan quyền lực cao nhất của Giáo hội Công giáo Rôma là Toà thánh. Cơ quan này đóng trụ sở tại Rôma nên cũng được gọi là Toà thánh Rôma. Điều 361 cho biết Toà thánh hoặc Tông toà được hiểu là Giáo hoàng và Giáo triều Rôma. “Giáo triều Rôma nhờ đó Đức Thánh Cha thường giải quyết mọi việc của Giáo hội phổ quát, thi hành nhiệm vụ nhân danh và với quyền hành của chính Ngài để nhằm thiện ích và phục vụ Giáo hội. Giáo triều Rôma gồm Phủ Quốc Vụ khanh, Hội đồng Ngoại vụ của Giáo hội, các Bộ, Toà án và những cơ quan khác, đã được luật riêng xác định về sự thành lập và thẩm quyền” (Điều 360).

Cuốn *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2004* cho biết: “Giáo triều Rôma (Rôman Curia) là một hệ thống các cơ quan điều hành trung ương, được Giáo hoàng trao quyền để phục vụ Vatican và các giáo hội địa phương. Từ thế kỷ IV, hệ thống này mới chỉ là Văn phòng Chương ấn Toà thánh, có nhiệm vụ soạn thảo và tổng đạt các sắc chỉ văn thư quan trọng. Sau dần dần phát triển thành những uỷ ban đặc biệt do các vị hồng y và giám chức đứng đầu. Từ giữa thế kỷ XVI, Giáo triều có hình thức gần giống như ngày nay.

\* PGS.TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo

Từ năm 1963, Đức Giáo hoàng Phaolô VI ra lệnh nghiên cứu việc tổ chức lại Giáo triều. Sau 4 năm làm việc, Ngài ban hành Tông hiến *Regimini Ecclesiae Universae* (18/8/1967) để cải tổ Giáo triều. Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II cũng ban hành tông hiến *Pastor Bonus* (28/6/1988), để điều chỉnh lại một vài điểm trong việc cải tổ này. Từ ngày 1/3/1989, Giáo triều Rôma gồm Phủ Quốc Vụ khanh, 9 bộ, 3 toà án, 11 hội đồng và 3 văn phòng. Các bộ được coi là cơ quan điều hành, toà án là cơ quan tư pháp, hội đồng là cơ quan cố vấn, còn văn phòng là cơ quan phục vụ chuyên môn.<sup>(2)</sup>

Đề cập tới Giáo hội Công giáo Rôma không thể không đề cập đến quốc gia Vatican. Quốc gia Vatican là hậu duệ của “nước Toà thánh rộng lớn” được các vua chúa dâng cúng hay nhượng lại, bao gồm cả miền Bắc Ý và Trung Ý từ thế kỉ VIII. Sau nhiều năm thăng trầm trong lịch sử, lãnh thổ rộng lớn bị các nước như Pháp (1798-1815), Italia (1859-1870) chiếm đóng. Các vị Giáo hoàng dần dần rời bỏ thế quyền và lãnh thổ, để chỉ giữ lại thành phố Vatican. Hiệp ước Lateran (1929) kí kết giữa giáo hoàng với nước Italia, công nhận thành phố Vatican là một nước độc lập theo công pháp quốc tế.<sup>(3)</sup> Nhà nước Vatican do Giáo hội điều hành. Hiến pháp Vatican dựa trên Bộ giáo luật. Trường hợp nào không được giáo luật đề cập tới, sẽ do Bộ Dân luật của thành Vatican quy định.

Như vậy Giáo hoàng vừa là người đứng đầu Giáo hội Công giáo Rôma, vừa là người đứng đầu quốc gia Vatican. Song đây vẫn là hai thực thể. Điều này được thể hiện rõ nhất trên lĩnh vực ngoại giao. “Các vị đại diện Giáo hoàng khi là đại sứ chính thức của một quốc gia hay chính phủ sẽ được gọi là *sứ thần* (nuncio). Do lịch sử lâu đời về mặt ngoại giao, vị sứ thần ở một số nước đóng vai trò trưởng ngoại giao đoàn. Nếu vị đại diện không có nhiệm vụ ngoại giao, nhưng làm nhiệm vụ đại diện Giáo hoàng đối với Giáo hội địa phương sẽ được gọi là *Khâm sứ* (Delegate) *Toà thánh*. Bên cạnh *Toà thánh* cũng có đại sứ của các nước và các tổ chức đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Toà thánh.”<sup>(4)</sup>

Theo *Niên giám Toà thánh 2003*, các trang 1.133 – 1.184, trong số 192 nước trên thế giới, Toà thánh có liên lạc ngoại giao với 175 nước, không kể các đại diện của các tổ chức lớn khác như Liên hiệp Châu Âu hay Liên bang Nga và các tổ chức quốc tế khác<sup>(5)</sup>.

Còn ở Việt Nam thì sao?

Sau hơn 300 năm truyền giáo, ngày 20/5/1925, Giáo hội Công giáo Rôma mới lập Toà Khâm sứ Toà Thánh tại Việt Nam (lúc bấy giờ gồm cả Thái Lan, Campuchia và Lào); trụ sở trước hết đặt ở Huế cạnh nhà thờ chính toà Phủ Cam gọi là Toà Khâm sứ Đông Dương. Vị khâm sứ đầu tiên là Giám mục Constantino Ajuti người Italia. Năm 1951, Toà Khâm sứ được rời ra Hà Nội.

Cuối năm 1950, Toà thánh Rôma chọn Đức ông Dooley làm khâm sứ tại Việt Nam.

Ngày 19/11/1951 dưới sự chủ tọa của Khâm sứ Dooley, các giám mục (ngoại quốc và Việt Nam) đã họp và ra Thư chung với lời lẽ chống lại Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung thư có đoạn: “chúng tôi thấy mình có bốn phận

nhắc nhở anh chị em đề cao cảnh giác, chống lại nguy cơ to lớn của chủ nghĩa cộng sản vô thần là mối đe dọa lớn lao nhất hiện nay. Chẳng những cấm anh chị em không được vào Đảng Cộng sản mà anh chị em cũng không được hợp tác với họ, hay làm bất cứ việc gì có thể góp phần cách nào cho Đảng Cộng sản lên nắm chính quyền.”<sup>(6)</sup>

Năm 1959, Tòa Khâm sứ được chuyển vào Sài Gòn. Vị Khâm sứ cuối cùng của Tòa thánh Rôma là Henri Lemaître rời khỏi Việt Nam tháng 8 năm 1975.

Có mặt ở Việt Nam, Khâm sứ, vị đại diện của Giáo hoàng, có bổn phận là giám sát tình trạng của Hội thánh trong khu vực được giao phó nhưng họ còn nhúng tay vào hoạt động chính trị chống lại Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc lãnh đạo nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng xã hội mới.

Về phía Tòa thánh mà người đứng đầu là Giáo hoàng, có thể nói, là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân Việt Nam đã đứng ngoài cuộc. Thái độ của Giáo hoàng Phaolô VI đối với cuộc chiến ở Việt Nam được nhận xét là “hàm hồ, nếu không nói là phò Mỹ.”<sup>(7)</sup> Tác giả của *Thập giá và lưỡi gươm* nhận xét tiếp về vị Giáo hoàng này: “Hình như ngài quá chăm chú nghe lời Cabótlót, cựu đại sứ Mỹ tại Sài Gòn và là đặc sứ của Níchxon bên cạnh Vatican, mặc dù Mỹ không có quan hệ ngoại giao chính thức với Tòa thánh.” Và do vậy “Lời kêu nhân đạo” của Đức Giáo hoàng Phaolô VI hỗ trợ các tù binh Mỹ tại Bắc Việt, lại phản ánh mối quan tâm một chiều của Giáo chủ đối với mấy trăm tên “tội phạm chiến tranh” và đồng thời việc Ngài lờ đi số phận của hàng trăm ngàn con người Việt Nam đang bị tra tấn, hành hạ tại các nhà tù được dựng lên và được điều khiển trực tiếp hay gián tiếp với bọn Mỹ sao? Tác giả cuốn *Thập giá và lưỡi gươm* đặt câu hỏi: “Cabótlót phải chăng đã đóng vai trò trấn an, khi các máy bay B52 mỗi ngày trút xuống đầu nhân dân Việt Nam hàng ngàn tấn bom khiến Đức Giáo hoàng cứ im lặng khi đứng trước cảnh tàn sát của triệu dân thường.”

Trong khi Níchxon, Cabótlót, Bancơ được tự do ra vào nhà Giáo hoàng mỗi lần đi Rôma, các bộ trưởng nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà hay của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam lại không được như thế. Và phải đợi đến khi Mỹ kí kết hiệp định Paris với hai chính quyền trên Giáo hoàng Phaolô VI mới tiếp chính thức Bộ trưởng Xuân Thuỷ của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ông Nguyễn Văn Hiếu, Bộ trưởng của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Đây là cuộc tiếp kiến hi hữu của người đứng đầu Tòa thánh Rôma với hai quan chức cao cấp của Việt Nam. Và phải đợi đến 20 năm sau mới lại có những cuộc tiếp kiến quan phương nhưng là của các vị Giáo hoàng khác mà chúng tôi sẽ đề cập đến ở phần sau.

Dù Giáo hoàng tuyên bố giữ lập trường trung lập, nhưng được nhận xét là “trung lập thiên vị”. Tác giả *Thập giá và lưỡi gươm* bình luận: “Có đúng thế chăng? Đức Giêsu có chu toàn được sứ mạng của Ngài chăng, nếu Ngài có những buổi tâm giao với Philat hay Herode? May thay cho nhân loại, Ngài được hai ông ấy tiếp có một lần, và người ta biết tiếp thế nào...”<sup>(8)</sup>.

Trước thái độ của Tòa thánh Rôma, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vẫn kiên định lập trường tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân được ghi trong Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946.

Không đầy một năm sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, trong bối cảnh công việc, vấn đề tôn giáo được Nhà nước Việt Nam đặt lên hàng đầu. Điều này được thể hiện ở việc Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 14/6/1955 ban hành *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo. Điều 13 của Sắc lệnh viết: Chính quyền không can thiệp vào nội bộ tôn giáo. Riêng về Công giáo, quan hệ về vấn đề tôn giáo giữa Giáo hội Công giáo và Tòa thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo.* Chỉ riêng ý thứ 2 điều 13 đã là một quyết định quan trọng thể hiện một chính sách rộng mở và tầm nhìn thế kỷ của Nhà nước Việt Nam. Bởi vì như chúng ta biết, ở cạnh nước ta, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đã không làm được như vậy khi thành lập một tổ chức Công giáo tách khỏi Tòa thánh Rôma.

Điều này cũng giải toả mối lo của Tòa thánh Rôma về tổ chức Ủy ban liên lạc toàn quốc những người Công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu Hoà Bình, gọi tắt là Ủy ban Liên lạc Công giáo toàn quốc, một tổ chức do hàng ngũ giáo sĩ và giáo dân yêu nước lập ra sẽ không tách khỏi Giáo hội Công giáo Việt Nam và cũng không phải là một tổ chức Công giáo tách ra khỏi Tòa thánh Rôma.

Dựa trên tinh thần của Hiến Pháp 1946, dựa trên Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo, Công giáo ở Việt Nam vẫn hoạt động bình thường. Không có việc cấm đạo, càng không có việc trả thù giáo sĩ, giáo dân, tu sĩ vì lí do này hay lí do khác đã chống lại chính quyền cách mạng.

Song, trong suốt thời gian từ năm 1954 đến năm 1975 thời điểm miền Nam Việt Nam được giải phóng, đất nước Việt Nam thống nhất, quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma vẫn “đóng băng” ngoại trừ có cuộc tiếp kiến của Giáo hoàng Phaolô VI được đề cập ở phần trên và năm 1971, bà Nguyễn Thị Bình được một giám chức Rôma tiếp.

Từ năm 1975 đến năm 1989 mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma về mặt quan phương vẫn không có sự tiến triển nào. Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng nguyên nhân lớn nhất vẫn là vấn đề “Cộng sản và Công giáo” đè nặng trong quá khứ, tuy có giảm bớt cùng với thời gian nhưng nhân tố mới thì chưa đủ sức bật dậy.

Ở thời điểm này có 2 sự kiện (một của Tòa thánh, một của Nhà nước Việt Nam) rất đáng chú ý.

Sự kiện lớn nhất là ngày 19/6/1988 Tòa thánh Rôma “tuyên thánh cho 117 chứng nhân Việt Nam” quen gọi là 117 thánh tử đạo ở Việt Nam. Đây là vấn đề tế nhị. Việc này đã không được phía Tòa thánh bàn thảo với Nhà nước Việt Nam. Dĩ nhiên sự phản ứng của Nhà nước Việt Nam là có cơ sở pháp lí. Sự kiện này có ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam và Tòa thánh.

Sự kiện thứ 2, năm 1986, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, trong đó có đổi mới chính sách tôn giáo.

Với Giáo hội Công giáo Rôma, điểm mốc được đánh dấu bằng việc từ ngày 1 đến ngày 13/7/1989, Hồng y Roger Etcheagaray, đại diện Giáo hoàng Gioan Phaolô II đến Việt Nam. Đây là lần đầu tiên, kể từ năm 1975, một viên chức cao cấp của Toà thánh đến thăm Giáo hội Việt Nam. Chuyến đi ngoài hoạt động mục vụ, Hồng y đồng thời còn tiếp xúc với cơ quan hữu trách Việt Nam. Hồng y Roger Etcheagaray phát biểu, ông sang Việt Nam với tư cách là sứ giả Hoà bình. Chuyến thăm của Hồng y Trưởng ban Công lý và Hoà bình Toà thánh này đã góp phần mở ra mối quan hệ ngoại giao giữa Nhà nước Việt Nam với Toà thánh Rôma. Tính đến tháng 3 - 2007 đã có 13 chuyến thăm và làm việc của quan chức Toà thánh tại Việt Nam.

*Chuyến thăm lần thứ nhất:* Diễn ra vào ngày 7/11/1990 với một phái đoàn Toà thánh do Hồng y Etcheagaray dẫn đầu gồm Đức ông Claudio Celli, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Vatican và Đức ông Barnabe Nguyễn Văn Phương, thuộc Bộ Truyền giáo. Đây là lần đầu tiên đoàn Toà thánh với vai trò chính thức làm việc với Chính phủ Việt Nam, đoàn bước đầu đặt mối quan hệ trao đổi về vấn đề hai bên cùng quan tâm. Một thoả thuận đạt được là:

- Mọi vấn đề có liên quan đến Giáo hội Công giáo Việt Nam, Toà thánh sẽ thông báo cho chính phủ Việt Nam và có sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam thì Toà thánh mới quyết định. Việc này bao gồm các chủ trương của Toà thánh, việc phong chức hồng y, giám mục và các việc khác mà hai bên cùng quan tâm.

- Khi hai bên có ý kiến khác nhau thì sẽ gặp nhau trực tiếp để trao đổi, bàn bạc<sup>(9)</sup>.

*Chuyến thăm lần thứ hai:* Ngày 14/1/1992, phái đoàn Toà thánh do Đức ông Claudio Celli dẫn đầu đến Hà Nội gặp Chính phủ Việt Nam.

*Chuyến thăm lần thứ ba:* Ngày 1/2/1993, phái đoàn Toà thánh do Đức ông Claudio Celli dẫn đầu sang Việt Nam.

*Chuyến thăm lần thứ tư:* Phái đoàn Toà thánh sang Việt Nam tháng 3 năm 1994.

Nội dung chuyến thăm bàn thảo những vấn đề sau:

- Hai bên cùng giải quyết vấn đề trống toà tại một số giáo phận tại Việt Nam.

- Theo đề nghị của Toà thánh, Chính phủ Việt Nam đồng ý về nhân sự tại Toà giám mục Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên đồng ý để Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình ở lại với đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn. Đoàn Việt Nam đề nghị bỏ chức vụ Giám quản tông toà Thành phố Hồ Chí Minh của Giám mục Huỳnh Văn Nghi. Về việc kế vị Giám mục Nguyễn Văn Bình, phía Việt Nam đặt vấn đề với Vatican theo hướng là người kế vị phải là người tiếp tục đường lối "tốt đạo, đẹp đời" như Giám mục Nguyễn Văn Bình đã thực hiện.

- Ngoài ra, hai bên còn thảo luận vấn đề giám mục, linh mục Việt Nam có được quyền tham gia hoạt động chính trị hay không?<sup>(10)</sup>

*Chuyến thăm lần thứ năm:* Năm 1995, phái đoàn Toà thánh sang làm việc với Chính phủ Việt Nam.

*Chuyến thăm lần thứ sáu:* Từ ngày 14 đến ngày 18 tháng 10 năm 1996 phái đoàn Toà thánh với Tổng Giám mục Claudio Celli, Đức ông Celestino Migliore và Đức ông Nguyễn Văn Phương sang làm việc với Chính phủ Việt Nam. Trong lần làm việc này Vatican ngỏ ý hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục, y tế, nông nghiệp. Việt Nam hoan nghênh sự giúp đỡ này “trên cơ sở không kèm theo bất kỳ điều kiện nào”. Trong vấn đề nhân sự, một vấn đề thời sự, hai bên không đạt được tiến bộ cụ thể.

*Chuyến thăm lần thứ bảy:* Tháng 2 năm 1998 phái đoàn của Toà thánh sang Việt Nam, để thảo luận vấn đề còn tồn đọng, và ý kiến của hai bên gặp nhau hơn. Sau khi phái đoàn về nước (ngày 28/2/1998), ngày 9/3/1998, phòng Báo chí Toà Thánh Vatican ra thông báo việc Giáo hoàng Gioan Phaolô II bổ nhiệm hai Tổng giám mục: Phạm Minh Mẫn và Nguyễn Như Thế. Sự kiện này giải toả được sự bất đồng giữa Nhà nước Việt Nam và Toà thánh Rôma.

*Chuyến thăm lần thứ tám:* Từ ngày 15 đến ngày 19/3/1999 phái đoàn Toà thánh do Thứ trưởng ngoại giao Vatican, ông Celestino Migliore cầm đầu đến thăm và làm việc với Ban Tôn giáo Chính phủ. Hai bên một mặt nhìn lại những nguyên tắc đã được thoả ước, mặt khác tiến hành trao đổi việc bổ nhiệm giám mục mới cho một số giáo phận trống toà hoặc giám mục đương nhiệm đã già yếu. Thời điểm này, Giáo hội Công giáo Việt Nam còn 3 giáo phận trống toà là Giáo phận Hưng Hoá, Giáo phận Lạng Sơn và Giáo phận Hải Phòng. Phái đoàn Toà thánh còn có buổi làm việc với Thứ trưởng ngoại giao Việt Nam Nguyễn Dy Niên thảo luận về mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Vatican. Bước đầu hai bên đồng ý cần có những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc để tiếp tục trao đổi ý kiến về vấn đề này<sup>(1)</sup>.

Cuộc tiếp xúc lần này cho thấy vấn đề nhân sự cho Giáo hội Công giáo Việt Nam đã không còn là vấn đề căng thẳng chi phối mối quan tâm của Việt Nam và Toà thánh. Vấn đề trống toà của các Giáo phận dần được giải quyết. Ít tháng sau chuyến thăm, ngày 18/6/1999 với sự chấp thuận của chính phủ Việt Nam, Toà thánh tiến hành bổ nhiệm 3 giám mục cho 3 giáo phận: Lạng Sơn, Quy Nhơn và Long Xuyên. Đợt bổ nhiệm này được đánh giá là suôn sẻ nhất so với các đợt bổ nhiệm trước đó.

*Chuyến thăm lần thứ chín:* Năm 2000, phái đoàn Toà thánh sang Việt Nam bàn về một số nhân sự được Chính phủ Việt Nam đồng ý để Toà thánh bổ nhiệm.

*Chuyến thăm lần thứ mười:* Ngày 11/6/2001 phái đoàn Toà thánh gồm Đức ông Celestino Migliore, Thứ trưởng ngoại giao Vatican và Đức ông Barnabe Nguyễn Văn Phương. Đây là chuyến thăm và làm việc với Chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ định kì. Hai bên đã có sự đồng thuận giữa hai bên về việc bổ nhiệm Giám mục Bùi Chu, Giám mục phó Phan Thiết và Giám mục phụ tá giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả là ngày 14/7/2001 Giáo hoàng Gioan Phaolô II bổ nhiệm Linh mục Nguyễn Thanh Hoan, 69 tuổi, linh mục chính xứ chúa Thánh Linh, Hàm Tân, Bình Thuận làm giám mục phó Giáo phận Phan Thiết; Linh mục Giuse Hoàng Văn Tiệm, 63 tuổi, dòng Don Bosco, Giảng sư đại chủng viện Hà Nội làm giám mục Giáo phận Bùi Chu, Linh mục Giuse Vũ

Duy Thống, 49 tuổi, Giáo sư Đại chủng viện Sài Gòn làm giám mục phụ tá Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh.<sup>(12)</sup>

*Chuyến thăm lần thứ mười một:* Phái đoàn Tòa thánh đến Việt Nam từ ngày 10 đến ngày 16/10/2002. Đoàn gồm Celestino Migliore Thứ trưởng ngoại giao và Barnabe Nguyễn Văn Phương thuộc Bộ Truyền giáo. Vấn đề chính yếu được đưa ra bàn thảo vẫn là vấn đề bổ nhiệm giám mục.<sup>(13)</sup>

Theo thông lệ, sau chuyến viếng thăm, ngày 26/11/2002 Tòa thánh công bố nhân sự được bổ nhiệm. Đó là hai giám mục: Giám mục Giuse Vũ Văn Thiên, tân giám mục giáo phận Hải Phòng, giám mục Stêphano Tri Bửu Thiên tân giám mục phó Giáo phận Cần Thơ.

Như vậy đến thời điểm này Giáo hội công giáo Việt Nam chỉ còn giáo phận Hưng Hoá là trống toà. Sự vụ này được giải quyết bằng việc ngày 5/8/2003 Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã kí và bổ nhiệm linh mục Anton Vũ Huy Chương, Giáo sư Đại chủng viện Thánh Quý (Cần Thơ) làm giám mục giáo phận Hưng Hoá.

*Chuyến thăm lần thứ mười hai:* Từ ngày 27/4 – 2 /5/2004, phái đoàn Tòa thánh do Đức ông Pietro Parolin, Thứ trưởng ngoại giao làm trưởng đoàn sang thăm và làm việc tại Việt Nam. Thành viên trong đoàn gồm có Đức ông Banabe Nguyễn Văn Phương, viên chức ngoại giao, Cán sự Bộ Truyền giáo, Đức ông Luis Mariano Montermayor, Tham tán Bộ Ngoại giao. Đoàn Việt Nam do ông Ngô Yên Thi, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ đã đón tiếp và gặp gỡ phái đoàn.

Nội dung của các buổi làm việc giữa hai bên là trao đổi về vấn đề nhân sự giám mục tại một số giáo phận, những vấn đề liên quan đến hoạt động của Giáo hội Công Giáo Việt Nam: Đại chủng viện, dòng tu, bổ nhiệm, chuyển linh mục và các vấn đề khác trong nước cũng như quốc tế mà hai bên cùng quan tâm<sup>(14)</sup>.

Ngày 12/6/2004 Tòa thánh quyết định bổ nhiệm linh mục Giuse Nguyễn Chí Linh, giảng sư Đại chủng viện Sao Biển (Nha Trang) làm giám mục giáo phận Thanh Hoá.

Ngày 30/9/2004, Tòa thánh công bố Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã chấp thuận đơn xin từ chức Giám mục của giám mục Phaolô Nguyễn Minh Nhật và bổ nhiệm linh mục Đa Minh Nguyễn Chu Trinh, chính xứ nhà thờ chính toà, Tổng đại diện giáo phận Xuân Lộc làm tân giám mục giáo phận Xuân Lộc.

*Chuyến thăm lần thứ mười ba:* Chuyến thăm do Đức ông Parolin, Thứ trưởng ngoại giao Tòa thánh dẫn đầu sang Việt Nam ngày 5/3/2007. Chuyến thăm diễn ra trong một khung cảnh mới đó là sự kiện ngày 25/1/2007 Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng thăm Tòa thánh và hội kiến với Giáo hoàng Bênêđictô XVI. Nội dung được bàn thảo ngoài nhân sự còn là những vấn đề quan trọng khác mà hai bên cùng quan tâm trong đó có lộ trình thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Việt Nam và Vatican.

Ngoài 13 chuyến thăm trên còn phải kể đến chuyến thăm của Hồng y Crescenzo Sepe, Bộ trưởng Bộ truyền giáo của Tòa thánh đến thăm Việt Nam

ngày 28/11/2005 theo lời mời của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Ngày 29/11/2005, tại Nhà thờ Lớn Hà Nội diễn ra lễ phong chức linh mục cho 57 tân linh mục. Chủ trì là Hồng y Cresenzio Sepe. Đây là lần đầu tiên ở Việt Nam một vị Hồng y của Tòa thánh chủ sự lễ phong chức linh mục cho giáo sĩ người Việt Nam.

Trong thời gian ở Việt Nam, Hồng y Cresenzio Sepe có các buổi làm việc với Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Vũ Khoan và lãnh đạo một số địa phương để hiểu rõ hơn tình hình tôn giáo và chính trị tôn giáo tại Việt Nam.

Cùng với những chuyến thăm và làm việc của đại diện Tòa thánh còn là chuyến thăm và làm việc của Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ Việt Nam Vũ Quang tại Tòa thánh vào tháng 6 năm 1992. Cuộc gặp gỡ lần này xem xét những điều ghi nhớ giữa hai phái đoàn đã được nêu ra trong những cuộc gặp trước.

Ngày 27/5/2000 Tổng Giám mục Jean Tauran, Ngoại trưởng Tòa thánh, làm việc với Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Dỵ Niên tại Rôma. Cuộc gặp bàn thảo về những vấn đề có liên quan giữa Tòa thánh và Việt Nam trong đó có vấn đề trống toà của 3 giáo phận.

5 năm sau là cuộc viếng thăm Tòa thánh từ ngày 27/6 đến ngày 2/7/2005 của Ban Tôn giáo Chính phủ do ông Ngô Yên Thi, Trưởng ban, dẫn đầu. Trong thời gian ở thăm, ông Ngô Yên Thi và đoàn đã gặp gỡ và làm việc của Bộ trưởng Ngoại giao Tòa thánh, Tổng giám mục Glajolo; Bộ trưởng Truyền giáo, Hồng y Cresenzio Sepe, Đài Phát thanh Vaticano và một số quan chức khác. Hai bên nhất trí đẩy mạnh các cuộc tiếp xúc nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, giải quyết những vấn đề hai bên cùng nhau quan tâm và cải thiện quan hệ song phương.

Trên tinh thần các cuộc tiếp xúc, những kết quả đạt được, với đường lối đối ngoại “khép lại quá khứ, hướng tới tương lai” và “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước”, mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam và Tòa thánh Rôma đã có bước chuyển biến quan trọng. Điều này được thể hiện trong chuyến thăm và làm việc tại Vatican ngày 25/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng. Thủ tướng có cuộc tiếp kiến với Giáo hoàng Bênêdictô XIV. “Đức Thánh cha Bênêdictô XVI đã hoan nghênh Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO), chẳng những coi Việt Nam là một nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất Châu Á mà trong cuộc hội kiến với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Ngài còn hoan nghênh đánh giá cao chính sách tôn giáo của Việt Nam và cho đây là hình mẫu về bảo đảm tự do tôn giáo, tín ngưỡng”<sup>(15)</sup>.

Ngoài ra Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng còn có cuộc hội đàm với Quốc vụ khanh Tòa Thánh, Hồng y Tarcisio Bertone.

Nếu tính từ cuộc tiếp xúc tháng 7/1989 của Hồng y Roger Etchegaray, đến năm 2007 thì cuộc gặp gỡ giữa đại diện Nhà nước Việt Nam và Tòa thánh Rôma đã trải qua chặng đường gần 20 năm. Trên chặng đường ấy thành quả mà hai bên đạt được là chủ yếu, song không phải không có những trắc trở.

Nguyên cơ bản của việc Toà thánh Rôma tiếp xúc với Nhà nước Việt Nam theo quốc vụ khanh Vatican Casaroli “Vì thế hệ cộng sản hôm nay khác với thế hệ cộng sản hôm qua và vì giáo hội “đang trong lồng”. Ngụ ý của vị Quốc vụ khanh này là Giáo hội Công giáo Việt Nam vẫn chưa có tự do, hiện đang bị Nhà nước Việt Nam kiểm soát. Vị Quốc vụ khanh dùng cụm từ “trong lồng” là chơi chữ vì trong Thư chung 1980, Hội đồng Giám mục Việt Nam xác tín đường hướng đồng hành cùng dân tộc là: “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”.

Trong chuyến thăm lần thứ tư (tháng 3/1994) mối quan hệ giữa bên có tiến triển nhưng vẫn còn một số vấn đề cần giải quyết xung quanh vấn đề tự do tôn giáo theo quan điểm Vatican. Quan điểm đó là: “Tự do tôn giáo không phải chỉ là tự do làm việc thờ phụng. Giáo hội Công giáo Việt Nam không bị chối bỏ quyền này. Tự do tôn giáo bao gồm một thực trạng rộng lớn hơn. Ví dụ tự do thành lập các hội đoàn Công giáo, tự do các cơ sở giáo dục từ thiện... Trong thực tế, tự do tôn giáo cũng có nghĩa là giáo hội được phát triển trên tất cả các chiều kích của mình và có thể thực sự chu toàn sứ mạng phục vụ của mình” và phải được tự do trong việc bổ nhiệm chức sắc của mình”<sup>(16)</sup>. Quan điểm của Vatican đã làm cho lập trường của hai bên trở nên cách xa.

Chuyến thăm thứ sáu (10/1996), hai bên không có tiến bộ cụ thể nào trong vấn đề nhân sự. Khi trở về Vatican, Tổng Giám mục Claudio Lelli phát biểu: “Giáo hội Công giáo Việt Nam vẫn ở trong lồng”. Và “chúng tôi ghi nhận rằng, khi chúng tôi đề cập vấn đề tự do tôn giáo, Chính phủ Việt Nam và Toà thánh không nói trên cùng làn sóng với nhau”<sup>(17)</sup>.

Một sự vụ khác, ngày 28/9/2003 Tổng giám mục Phạm Minh Mẫn, Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh được Giáo hoàng Gioan Phaolô II đặt làm Hồng y. Sự kiện này đã không được Toà thánh bàn thảo với Nhà nước Việt Nam. Mặc dù như đã trình bày ở trên trong chuyến thăm thứ nhất 11/1990 hai bên đã có thoả ước: “mọi vấn đề có liên quan đến giáo hội Công giáo Việt Nam, Toà thánh sẽ thông báo cho Chính phủ Việt Nam có sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam thì Toà thánh mới ra quyết định. Việc này bao gồm chủ trương của Toà thánh, việc phong chức hồng y, giám mục và việc khác mà hai bên cùng quan tâm”. Sự việc sau đó được giải quyết ổn thoả.

Trong cuộc họp báo ngày 2/10/2003 của Bộ Ngoại giao, người phát ngôn, ông Lê Dũng nói: Việc có thêm hồng y mới là một tin vui với các tín đồ Công giáo Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam trong cùng một thời điểm, có hai vị hồng y tại Việt Nam.

Quan hệ giữa Việt Nam và Vatican đã và đang có những tiến triển. Tuy chưa có quan hệ ngoại giao chính thức, nhưng hiện hai bên đang có những trao đổi đoàn và tiếp xúc thường xuyên giữa đại sứ Việt Nam tại Rôma và Toà thánh Rôma để trao đổi các vấn đề có liên quan đến Giáo hội Công giáo Việt Nam và những vấn đề khác hai bên cùng quan tâm. Thông qua các cuộc tiếp xúc này, sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau giữa Nhà nước Việt Nam và Vatican đang ngày càng gia tăng.”<sup>(18)</sup>

\*

\* \*

Chặng đường quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo Rôma là gập ghềnh, khúc khuỷu. Nhưng nhìn đại cục là theo hướng đi lên. Hướng đi này sang đầu thế kỉ XXI, càng ngày càng rõ nét. Đó chính là nhờ Việt Nam luôn kiên trì đối thoại, biết gạt ra ngoài những dị biệt nhằm tới cái đồng thuận. Những vấn đề mà hai bên quan tâm bàn bạc giải quyết chính là để đáp ứng nguyện vọng của cộng đồng tín đồ Toà thánh nhưng cũng là cộng đồng công dân Việt Nam. Như vậy tiện ích sẽ thuộc về hai bên. Sự đồng thuận sẽ tạo cơ hội cho cộng đồng giáo dân Việt Nam sống tốt đời đẹp đạo.

Chuyến thăm Rôma cuối tháng 1/2007 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng được “dur luận thế giới coi là dấu ấn Việt Nam trên chính trường thế giới; là bước phát triển mới thể hiện ý chí và mong muốn của cả Việt Nam và Toà thánh Vatican nhằm tăng cường đối thoại và hiểu biết lẫn nhau để tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Việt Nam và Vatican”<sup>(19)</sup>.(\*\*)

---

### Chú thích

\*\* Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2/2008.

1. Để giản tiện, từ đây chúng tôi chỉ dẫn điều, khoản nhưng được hiểu là những điều khoản ấy được trích từ Bộ Giáo luật 1983.
2. Văn phòng Tổng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2004*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr.103.
3. Văn phòng Tổng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2004*, Sdd., tr.112.
4. Dẫn lại trong cuốn: *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2004*, tr. 112.
5. Văn phòng Tổng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2004*, Sdd., tr. 111.
6. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh 1998, tr. 93.
7. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Sdd., tr. 164.
8. Linh mục Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Sdd., tr. 164, 165, 166, 167.
9. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 952, ngày 3/4/1994.
10. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 952, ngày 3/4/1994.
11. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1201, ngày 26/3/1994.
12. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số tháng 8/2001.
13. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 95 tháng 11/2002.
14. Báo Người *Công giáo Việt Nam*, số 19, ngày 8/5/2004.
15. Báo Người *Công giáo Việt Nam*, số tháng 10/2007.
16. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 954, ngày 17/4/1994.
17. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1080, ngày 3/11/1996.
18. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 1428, ngày 16/10/2003.
19. Báo Người *Công giáo Việt Nam*, số 10, 2007.